

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS-ST

Ngày: 25-01-2019.

V/v “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

2. Ông Vũ Ngọc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2013/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2013 về việc “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hoàng V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 145/18 đường số 20, Phường 5, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Phạm Kim A, sinh năm 1955 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 145/18 đường số 20, Phường 5, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

(Là người đại diện theo ủy quyền, Giấy ủy quyền ngày 18/6/2013).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Cà phê Gia L (tên mới: Công ty TNHH Xây dựng thương mại Hàn Bắc T).

Địa chỉ trụ sở: 503B đường C, Phường 13, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông Nguyễn Cao T, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: 27/5 đường số 8, khu phố 2, phường L, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 29/4 khu phố 2, phường Tam P, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Kim A, sinh năm 1955 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 145/18 đường số 20, Phường 5, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Cao T, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: 27/5 đường số 8, khu phố 2, phường L, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.
 Địa chỉ liên lạc: 29/4 khu phố 2, phường Tam P, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/5/2013, ông Phạm Hoàng V có đến uống cà phê tại quán cà phê Gia L, số U12B đường B, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và gửi chiếc xe mô tô hiệu SH biển số 59V1 – 186.68 (do bà Phạm Kim A là chủ sở hữu) cho nhân viên Công ty TNHH thương mại dịch vụ cà phê Gia L (sau đây gọi tắt là Công ty Gia L) giữ, thẻ giữ xe số 020. Sau khi uống cà phê xong, ông V lấy xe thì phát hiện chiếc xe bị mất. Ông V đến Công an Phường 15, Quận 10 để trình báo sự việc bị mất xe. Tại Công an Phường 15, Công ty Gia L thừa nhận trách nhiệm trong việc làm mất xe của ông V và cam kết bồi thường cho ông V 90.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty Gia L không thực hiện việc bồi thường cho ông V. Do đó, ông V khởi kiện Công ty Gia L đến Tòa án yêu cầu Công ty Gia L bồi thường cho ông V giá trị còn lại của chiếc xe bị mất là 130.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền chi phí phát sinh từ việc đi lại để giải quyết việc bồi thường. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi bị đơn bồi thường 5.000.000 đồng tiền chi phí phát sinh từ việc đi lại để giải quyết việc bồi thường mất xe.

Tại các bản khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty Gia L đã thừa nhận sự việc ngày 17/5/2013, Công ty Gia L nhận giữ xe mô tô hiệu SH biển số 59V1 – 186.68 do ông V gửi và đã để mất xe. Công ty Gia L chỉ đồng ý bồi thường cho ông V một nửa giá trị còn lại của chiếc xe bị mất là 65.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 12/8/2015 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kim A trình bày: Bà là chủ sở hữu của chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda SH150I, số máy F08E – 1072101, số khung 0B0BF-101022, biển số đăng ký 59V1-186.68 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007247 do Công an quận Gò Vấp cấp ngày 23/6/2011. Chiếc xe này được bà giao cho con của bà là Phạm Hoàng V sử dụng. Ngày 17/5/2013, Công ty Gia L nhận giữ chiếc xe này cho ông V theo thẻ giữ xe số 020 và để mất xe. Bà Phạm Kim A thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng V, yêu cầu Công ty Gia L bồi thường cho ông V giá trị còn lại của chiếc xe bị mất là 130.000.000 đồng.

Theo bản tường trình của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Cao T trình bày: Ông được Công ty Gia L giao việc giữ xe cho khách vào uống cà phê. Ngày 17/5/2013, ông có giữ chiếc xe mô tô hiệu SH biển số 59V1 – 186.68 do ông Phạm Hoàng V gửi, thẻ giữ xe số 020 và đã để mất chiếc xe này. Sau khi bị mất xe ông đã cùng ông V và đại diện Công ty Gia L đến Công an Phường 15, Quận 10 trình báo và giải quyết vụ việc mất xe. Tại Công an Phường 15, Công ty Gia L đã thừa nhận trách nhiệm bồi thường chiếc xe bị mất cho ông V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã

tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử nên đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Phạm Hoàng V khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Gia L bồi thường giá trị chiếc xe bị mất từ giao dịch gửi giữ xe, đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Cao T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 mà không có lý do, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Xét Giấy ủy quyền ngày 01/12/2013 của bà Nguyễn Thụy Bích T là người đại diện theo pháp luật của Công ty Gia L ủy quyền cho ông Nguyễn Cao T tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận. Do đó ông Nguyễn Cao T tham gia tố tụng với hai tư cách vừa là người đại diện hợp pháp của bị đơn, vừa là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Xét Giấy ủy quyền ngày 18/6/2013 của ông Phạm Hoàng V ủy quyền cho bà Phạm Kim A tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận. Do đó bà Phạm Kim A tham gia tố tụng với hai tư cách vừa là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, vừa là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2013 nguyên đơn có yêu cầu bị đơn bồi thường 5.000.000 đồng tiền chi phí phát sinh từ việc đi lại để giải quyết việc bồi thường việc mất xe. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện này. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Gia L bồi thường cho ông V 5.000.000 đồng tiền chi phí phát sinh từ việc đi lại để giải quyết mất xe.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn bồi thường giá trị còn lại của chiếc xe bị mất là 130.000.000 đồng. Căn cứ vào bản tường trình của ông Nguyễn Cao T, biên bản ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường tài sản ngày 18/6/2013 của Công an Phường 15, Quận 10 và thẻ giữ xe do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định: Vào ngày 17/5/2013, ông Phạm Hoàng V và Công ty Gia L đã thiết lập với nhau một giao dịch gửi giữ tài sản, theo đó bên gửi tài sản là ông Phạm Hoàng V và bên giữ tài sản là Công ty Gia L. Đối tượng tài sản gửi giữ là chiếc xe mô tô hiệu SH biển số 59V1 – 186.68 do bà Phạm Kim A là chủ sở hữu. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Gia L đã làm mất tài sản gửi giữ. Do đó, ông V được quyền yêu cầu Công ty Gia L bồi thường thiệt hại do làm mất tài sản gửi giữ theo khoản 2 Điều 561 Bộ luật Dân sự năm 2005 và công ty Gia L phải có nghĩa vụ bồi thường giá trị còn lại của chiếc xe bị mất cho ông V theo quy định tại khoản 4 Điều 562 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 24/02/2014 các đương sự đã thống nhất giá còn lại của chiếc xe mô tô hiệu SH biển số 59V1 – 186.68 là 130.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải này, bị đơn chỉ đồng ý bồi thường cho nguyên đơn một nửa giá trị chiếc xe bị mất là 65.000.000 đồng. Xét ý kiến của bị đơn là không có cơ sở bởi lẽ lỗi để xảy ra mất tài sản hoàn toàn từ phía bị đơn. Do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị mất cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử cần buộc Công ty Gia L phải bồi thường cho ông Phạm Hoàng V giá trị còn lại của chiếc xe bị mất là 130.000.000 đồng.

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007247 do Công an quận Gò Vấp cấp ngày 23/6/2011 thì chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda SH150I, biển số đăng ký 59V1-186.68 thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Kim A giao cho con của bà là Phạm Hoàng V sử dụng. Quá trình sử dụng ông V đã làm mất xe. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Kim A không yêu cầu ông Phạm Hoàng V bồi thường giá trị chiếc xe bị mất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này, nếu bà Phạm Kim A có tranh chấp với ông Phạm Hoàng V về chiếc xe gắn máy này thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào hợp đồng giao khoán việc ngày 25/8/2012 thì Công ty Gia L giao khoán việc giữ xe cho ông Nguyễn Cao T. Hợp đồng có quy định ông

Nguyễn Cao T phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những mất mát, hư tổn từ việc trông giữ xe. Tuy nhiên, theo thẻ giữ xe số 020 thì Công ty Gia L đứng tên người giữ xe nên Công ty Gia L phải có trách nhiệm bồi thường giá trị chiếc xe bị mất cho ông Phạm Hoàng V. Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty Gia L không có yêu cầu gì đối với ông Nguyễn Cao T trong việc để mất xe của ông Phạm Hoàng V nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này, Công ty Gia L có tranh chấp với ông Nguyễn Cao T về chiếc xe gắn máy này thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Công ty Gia L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là $130.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.500.000 \text{ đồng}$. Nguyên đơn ông Phạm Hoàng V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 559; khoản 2 Điều 261; khoản 4 Điều 262 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và điểm b mục 2 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V về việc buộc bị đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Cà phê Gia L phải bồi thường cho ông V 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền chi phí phát sinh từ việc đi lại để giải quyết việc mất xe.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Cà phê Gia L (nay đổi tên là: Công ty TNHH Xây dựng thương mại Hàn Bắc T) phải trả cho ông Phạm Hoàng V 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng tiền bồi thường giá trị còn lại của chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda SH150I, biển số đăng ký 59V1-186.68 bị mất, thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Cà phê Gia L (nay đổi tên là: Công ty TNHH Xây dựng thương mại Hàn Bắc T) phải chịu 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Hoàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.375.000 (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2011/04013 ngày 19/11/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Hương